

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ  
VIỆT VIỆT NHẬT**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Mã chứng khoán: VNH

Trụ sở chính: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP HCM.

Điện thoại: 083.7652475

Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tuyết Lan

Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 083.7652475

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2021.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

-Báo cáo thường niên 2021

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Cao Tuyết Lan**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

**Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình  
Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**Mã số thuế: 0302207804**



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**

*Tháng 4 năm 2022*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Năm báo cáo: 2021

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302207804
- Vốn điều lệ: 86.800.000.000 đồng (*Tám mươi sáu tỷ tám trăm trăm triệu*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.230.710.000 đồng (*Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười ngàn đồng.*)
- Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0283.7652465
- Số fax: 0283.7653275
- Website: [www.vietnhat.com](http://www.vietnhat.com).
- Mã cổ phiếu: VNH.

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Năm 2002, Việt Nhật bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh xuất khẩu với nhà xưởng 3.500m<sup>2</sup> và 02 dây chuyền sản xuất. Sản phẩm chủ yếu của Công ty trong giai đoạn này là bạch tuộc. Các mặt hàng xuất khẩu chỉ ở dạng nguyên liệu đã qua sơ chế, giá trị xuất khẩu còn thấp.
- Năm 2007, Việt Nhật mở rộng chế biến nhiều loại thủy sản như tôm, mực, cá, ghẹ, nghêu... và cũng chuyển dần sang sản xuất các sản phẩm đã chế biến, có giá trị gia tăng cao hơn. Hiện nay, Việt Nhật đã có danh mục sản phẩm chế biến lên tới gần 100 mặt hàng và phục vụ hoàn toàn cho thị trường xuất khẩu.
- Tháng 05 năm 2007, để phát triển hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao công tác quản lý và sản xuất, Việt Nhật tiến hành đăng ký chuyển đổi hình thức kinh doanh từ





Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng. Sau đó, Công ty huy động thêm vốn từ các cổ đông, đổi tên mới là Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật và đăng ký vốn điều lệ mới là 86.8 tỷ đồng.

- Ngày 08 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật (Việt Nhật) chính thức niêm yết 8.023.071 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo quyết định niêm yết số 62/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 04 năm 2010 với một số thông tin như sau:
  - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
  - Mã chứng khoán: VNH
  - Mã ISIN: VN000000VNH8
  - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
  - Số lượng cổ phiếu: 8.023.071 cổ phiếu (Tám triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi một cổ phiếu)
  - Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 80.230.710.000 đồng (Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng).
- Ngày 22 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật chính thức đưa vào hoạt động Công ty TNHH Một Thành Viên Đồ Hộp Phú Nhật:
  - Trụ sở chính: Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100790106 Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 01 năm 2010.
  - Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
  - Ngành nghề kinh doanh:
    - + Sản xuất thực phẩm đóng hộp.
    - + Kinh doanh thực phẩm đóng hộp.
    - + Sản xuất chế biến thủy hải sản và thực phẩm.
    - + Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu.
    - + Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.



- Ngày 28 tháng 08 năm 2013 Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tọa lạc tại địa chỉ C34/I đường 2G Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 01 tháng 11 năm 2013 Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật đã thông qua Đại hội cổ đông bất thường, thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc Công ty Thủy hải sản Việt Nhật thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật. Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật sẽ hoàn trả vốn cho Công ty Việt Nhật trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2015 và Công ty Phú Nhật sẽ không còn là Công ty con của Công ty Việt Nhật.
- Ngày 25 tháng 11 năm 2013 Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật đã hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tọa lạc tại địa chỉ C34/1 đường 2G Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 09 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp mã số doanh nghiệp: 0302207804 ngày 20 tháng 04 năm 2017.
- Đến ngày 06 tháng 06 năm 2017 Công ty Cổ phần Thủy hải Sản Việt Nhật thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp mã số doanh nghiệp: 0302207804 và đổi tên Công ty là: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Các lĩnh vực kinh doanh được cấp phép (đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 11 năm 2015) của Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Việt Nhật tại địa chỉ kinh doanh: Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam bao gồm:

- Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Sản xuất hàng hóa nông - lâm sản;
- Sản xuất, mua bán bao bì (không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;



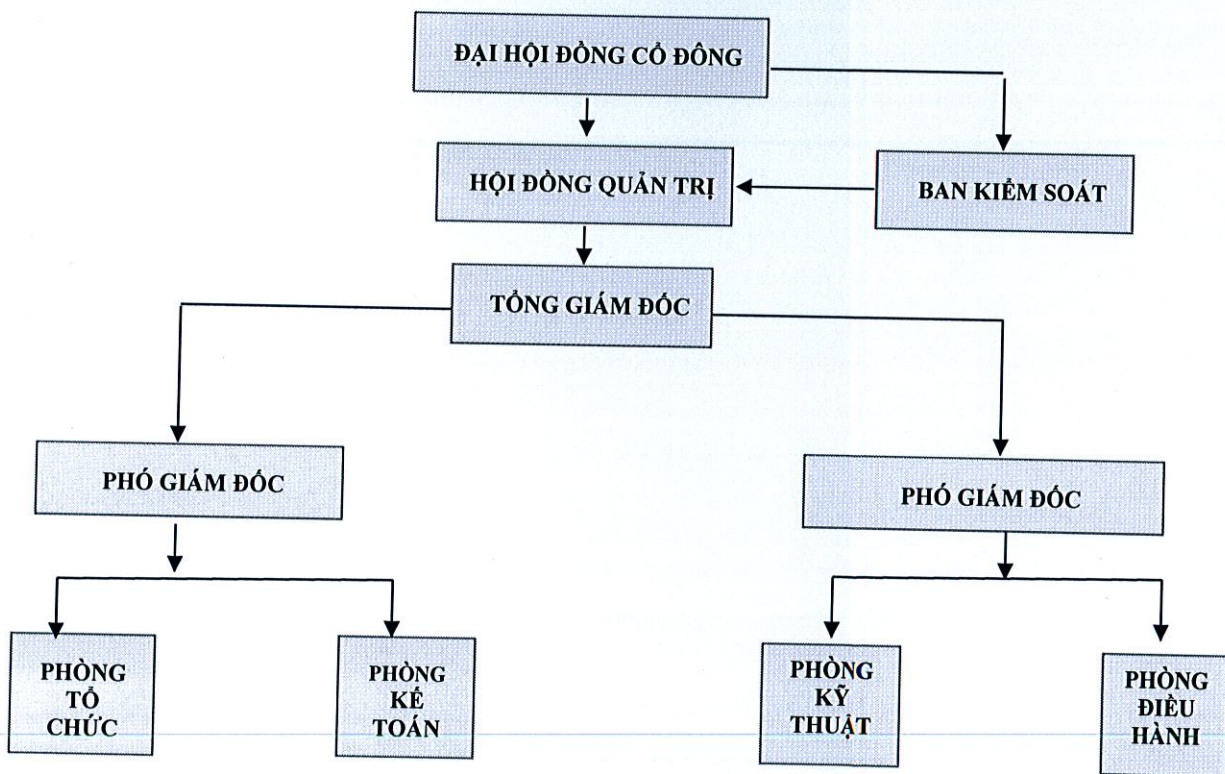
- Bán buôn thực phẩm.

- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn kinh doanh là trong tỉnh, phần lớn nguồn thu của Công ty là ngoài nước.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.





## 5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty:** Kinh doanh có lợi, bảo toàn phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

## 6. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tích cực tham gia công tác xã hội, hỗ trợ cộng đồng. Nâng cao nhận thức của nhân viên cũng như tình nguyện tham gia các phong trào kết nối và hỗ trợ cộng đồng cùng phát triển.
- Cải thiện môi trường làm việc, tuân thủ các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường cho người lao động.
- Tuân thủ nguyên tắc an toàn vệ sinh môi trường trong công tác sản xuất. Cũng như các yêu cầu cần thiết theo hệ thống ISO của thế giới.
- Luôn tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất.

**II. Các rủi ro:** Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn, thử thách trải qua trong năm 2021 đúc kết thành bài học kinh nghiệm quý báu giúp Công ty ngăn ngừa mọi rủi ro trong tương lai:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động sẵn có sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh (khi Công ty không thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do thắt chặt tín dụng, tăng lãi suất cho vay), không để tình trạng giao hàng trễ.
- Cải thiện trình độ cũng như nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng cao. Không để tình trạng chảy máu chất xám và nguồn nhân lực tốt của Công ty.
- Tìm hiểu kỹ thị trường, khách hàng xuất khẩu nhất là đối với thị trường, khách hàng mới.



### III. Tình hình hoạt động trong năm.

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	2.111.730.206	4.590.000.000
Lợi nhuận sau thuế	549.109.682	902.382.091

#### 2. Tổ chức và nhân sự

##### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

##### 2.1.1 Hội đồng quản trị.

##### a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001060000191; cấp ngày: 06/02/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Anh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2011 đến nay: Giám đốc công ty đấu giá hợp danh Đại Nam.
  - + Từ 2016 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần NTACO



- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Đấu giá hợp danh Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**b. Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Cao Tuyết Lan
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; cấp ngày: 14/05/2008; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 615 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà trung, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0243.562.5682
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2001 đến 2004: Trưởng phòng Trung tâm đào tạo tin học PT
  - + Từ 2004 đến 2012: Phó giám đốc phụ trách đào tạo Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp và công nghệ HTL.
  - + Từ 2012 đến nay: Trưởng phòng kinh doanh Công ty đấu giá hợp danh Đại Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị



- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần NTACO.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**c. Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Đức Huy

- Giới tính: Nam
  - Số CMND: 012999489; Nơi cấp: Hà Nội
  - Ngày, tháng, năm sinh: 14/04/1991
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
  - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- 
- Quá trình công tác:
    - + Từ 2015 đến nay: Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Ntaco
  - Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên HĐQT
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
  - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
  - Các khoản nợ đối với công ty: Không



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

## 2.1.2 Ban kiểm soát

### a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Xuân Trường
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012370818 ; cấp ngày: 05/11/2009 ; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/1967
- Nơi sinh: Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Trung tâm thương mại và nhà ở, 379/8 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học hóa công nghệ
- Quá trình công tác:
  - + 1990 - 1994: Kỹ sư hóa Viện nghiên cứu Bảo hộ lao động, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.
  - + 1994 - 1999: Phòng kinh doanh Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.
  - + 1999 - 2013: Giám đốc chi nhánh Hà Nội Công ty Đầu tư và thương mại quốc tế - Thương mại công nghiệp Việt Nam.
  - + 2013- nay: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.



- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**b. Thành viên ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Tô Hiếu Thuận**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 022104666; cấp ngày: 09/06/2015; Nơi cấp: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/08/1971
- Nơi sinh: Quận nhì, Sài Gòn.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ 01/12/2000 – 31/10/2003: Nhân viên tư vấn P.Công ty chứng khoán - chi nhánh TP. HCM
  - + Từ 01/11/2003 - 31/01/2007: Trưởng phòng kinh doanh Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
  - + Từ 01/02/2007- 28/02/2009: Phó giám đốc Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
  - + Từ 01/03/2009 đến 01/03/2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần ĐT - KD Vàng Toàn cầu - GGB



+ Từ 01/03/2010 đến 01/06/2013: Giám đốc Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc - chi nhánh TP HCM

+ Từ 01/07/2013 đến 06/2014: Phó giám đốc Công ty CP cao su An Lợi

+ Từ 01/07/2015 đến 03/2015: Phó giám đốc Công ty cổ phần XM Sài Gòn

+ Từ 01/04/2015 đến 12/2015: Giám đốc khối tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Dầu Khí

+ Từ 02/01/2016 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**c. Thành viên ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Đỗ Thái Hưng**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012122093; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1981
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 8/188 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559



- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2006 - 2007: Nhân viên Công ty Philipps, CHLBĐ.
  - + Từ T05/2007 - 11/2007: Giảng viên Đại học Quốc Tế, ĐH Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.
  - + Từ 2008 - 2012: Cán bộ dự án nghiên cứu Light Instiute.
  - + 2013 -2014: Phó phòng nghiên cứu sản phẩm mới Ctep Bóng đèn phích nước Rạng Đông.
  - + 2016- nay: Giám đốc phân tích và tư vấn CTCP Chứng Khoán Đại Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:Giám đốc phân tích và tư vấn CTCP Chứng Khoán Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

#### **3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 7 người, cơ cấu lao động như sau:



Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	28.57%
	Đại học	04	57.14%
	Cao đẳng, trung cấp	01	14.29%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>	<b>100,00%</b>

### 3.2. Chính sách đối với người lao động:

#### a. Chế độ làm việc:

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát

#### b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

**Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:** Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

**Bảo hiểm:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp

### 3. Tình hình đầu tư vào Công ty liên kết: không có

### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 80.230.710 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.



b) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

c) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

d) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2021 do những ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 bùng phát nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng cũng từng bước khắc phục và đã đạt được hiệu quả khả quan.

<b>Khoản mục</b>	<b>Kế hoạch 2021</b>	<b>Kết quả 2021</b>
Doanh thu thuần	20.000.000.000	4.590.000.000
Lợi nhuận trước thuế	7.000.000.000	902.382.091

Doanh thu, lợi nhuận tăng không đáng kể so với kế hoạch đặt ra, kết quả trên đã phản ánh đúng với tình hình thực tế trong năm qua, tình hình kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn.

## **2. Tình hình tài chính**

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
Tài sản ngắn hạn	9.666.078.834	11.182.606.534
Tài sản dài hạn	589.634.822	478.586.213
Nợ ngắn hạn	5.844.726.393	6.347.823.393
Nợ dài hạn	-	-

**4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...



**4.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, việc đưa ra kế hoạch phát triển dài hạn sẽ khó đạt được. Vì thế, để đảm bảo cho kế hoạch đưa ra, Công ty sẽ dựa trên tình hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

#### **4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, các quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Nhìn chung, Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động của mình.

Tuy nhiên, sự khó khăn trong nước cũng như quốc tế đã làm cho kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh và không hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm.

#### **5. Quản trị công ty.**

##### **1. Hội đồng quản trị**

##### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	0	0.00%
2	Cao Tuyết Lan	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Nguyễn Đức Huy	Thành viên HĐQT	0	0.00%

##### **b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.



**Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2	02/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021	Nghị quyết về việc miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm Phó TGD
3	03/2021/NQ-HĐQT	04/03/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm TGD
4	04/2021/NQ-HĐQT	10/03/2021	Nghị quyết về việc mua lại nhà máy chế biến và xuất khẩu thủy sản đông lạnh tại Long Xuyên
5	05/2021/NQ-HĐQT	16/03/2021	Nghị quyết về việc không đồng ý đưa tài sản của Công ty vào xử lý bán đấu giá.
6	06/2021/NQ-HĐQT	27/05/2021	Nghị quyết về việc góp vốn đầu tư xây dựng và mua lại nhà máy sản xuất gạch của Cty CP khoáng sản & VLXD Gia Lai.
7	07/2021/NQ-HĐQT/VNH	27/05/2021	Nghị quyết về việc tổ chức họp ĐHCĐTN năm 2021
8	08/2021/NQ-HĐQT	16/06/2021	Nghị quyết về việc không đồng ý đưa tài sản của Công ty vào xử lý bán đấu giá (lần 2)
9	09/2021/NQ-HĐQT	21/07/2021	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Phó TGD
10	10/2021/NQ-HĐQT	12/10/2021	Nghị quyết về việc miễn nhiệm TGD
11	11/2021/NQ-HĐQT	16/11/2021	Nghị quyết về việc chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021

c) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trần Xuân Trường	Trưởng Ban KS	0	0.00%
2	Tô Hiếu Thuận	Thành viên BKS	0	0.00%
3	Đỗ Thái Hưng	Thành viên BKS	0	0.00%



b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc chưa nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

6. **Báo cáo tài chính (đính kèm)**

*Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2022*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN THANH SƠN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Lô A59/1 Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Huy	Thành viên(Bổ nhiệm ngày 30/06/2021)
Ông Trịnh Quốc Văn	Thành viên(Miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Phạm Thị Khánh Vân	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/03/2021 Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)
Ông Nguyễn Đức Huy	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/02/2021)
Ông Nguyễn Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2021 Miễn nhiệm ngày 22/07/2021)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Sơn

**Chủ tịch HĐQT**

Ngày 29 tháng 03 năm 2022



Số: 2420/2022/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/03/2022, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Tại ngày 31/12/2021, Lũy kế của công ty là 76.526.195.494 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.834.783.141 đồng. Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Trong thời gian này Công ty đang hoạt động thương mại cầm chừng. Do vậy trong năm Công ty chỉ phát sinh doanh thu thương mại; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động về số dư. Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định liên tục

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội



**ĐỖ THỊ THU HUYỀN** - Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

**TRẦN THỊ THANH TÚ** - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1

2022/03/29  
HÀ NỘI  
TƯ VẤN  
ĐẤT VIỆT



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.182.606.534</b>	<b>9.666.078.834</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.015.606.534</b>	<b>1.020.078.834</b>
1. Tiền	111		2.015.606.534	1.020.078.834
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.167.000.000</b>	<b>8.646.000.000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.645.402.650	11.645.402.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.000.000	64.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	9.351.807.879	8.892.807.879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.956.210.529)	(11.956.210.529)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>478.586.213</b>	<b>589.634.822</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>478.586.213</b>	<b>589.634.822</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	478.586.213	589.634.822
- Nguyên giá	222		840.486.091	840.486.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.899.878)	(250.851.269)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.661.192.747</b>	<b>10.255.713.656</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.347.823.393</b>	<b>5.844.726.393</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.347.823.393</b>	<b>5.844.726.393</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	1.268.270.000	1.284.173.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	2.220.182.327	1.761.182.327
4. Phải trả người lao động	314		637.846.153	637.846.153
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	303.810.752	243.810.752
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.667.714.161	1.667.714.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	250.000.000	250.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.313.369.354</b>	<b>4.410.987.263</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>5.313.369.354</b>	<b>4.410.987.263</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.230.710.000	80.230.710.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(76.526.195.494)	(77.428.577.585)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.428.577.585)	(77.977.687.267)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		902.382.091	549.109.682
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.661.192.747</b>	<b>10.255.713.656</b>



Nguyễn Thanh Sơn  
 Chủ tịch HĐQT  
 Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
 Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.590.000.000	2.111.730.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>2.111.730.206</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.060.000.000	1.001.818.182
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.530.000.000</b>	<b>1.109.912.024</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.000	32.837
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.000.000	65.133.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.000.000	65.133.333
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	567.652.909	1.083.109.646
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>902.382.091</b>	<b>(38.298.118)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	587.407.800
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>587.407.800</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>902.382.091</b>	<b>549.109.682</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>902.382.091</b>	<b>549.109.682</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	112	68



**Nguyễn Thanh Sơn**  
 Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

**Trần Minh Trọng**  
 Kế toán trưởng

**Trần Minh Trọng**  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		902.382.091	549.109.682
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		111.048.609	111.048.608
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.000)	(32.837)
- Chi phí lãi vay	06		60.000.000	65.133.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.073.395.700	725.258.786
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.000.000)	(2.125.995.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.903.000)	(677.179.301)
- Tiền lãi vay đã trả	14			(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		995.492.700	(2.083.915.515)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.000	32.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.000	32.837
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		995.527.700	(2.133.882.678)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.020.078.834	3.153.961.512
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.015.606.534	1.020.078.834



Nguyễn Thanh Sơn  
 Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
 Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng  
 Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302207804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2017.

**Hoạt động chính của Công ty là:**

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến; Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa nông- lâm sản. Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì (không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông- lâm sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông- thủy- hải sản và thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công, lắp đặt thiết bị truyền thông. Thi công, lắp đặt thiết bị điện; Thi công, lắp đặt đường dây tải điện; Thi công, lắp đặt máy biến thế, biến áp; Thi công, lắp đặt đường dây cao thế, cao áp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**1. Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2021, Lũy kế của công ty là 76.526.195.494 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.834.783.141 đồng. Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Trong thời gian này Công ty đang hoạt động thương mại cầm chừng. Do vậy trong năm Công ty chỉ phát sinh doanh thu thương mại; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động về số dư. Tuy nhiên ban lãnh đạo cam kết công ty sẽ tiếp tục cơ cấu bộ máy và tiếp tục hoạt động trong tương lai. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định liên tục.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

#### **5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

#### **6. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **7. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### **8. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**9. Doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

*Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.013.360.803	1.019.863.803
- Tiền gửi ngân hàng	2.245.731	215.031
<b>Cộng</b>	<b><u>2.015.606.534</u></b>	<b><u>1.020.078.834</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Oceanica Group International	11.645.402.650	11.645.402.650
<b>Cộng</b>	<b><u>11.645.402.650</u></b>	<b><u>11.645.402.650</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	24.000.000	-	24.000.000	-
- Trần Thị Liên	310.807.879	(310.807.879)	310.807.879	(310.807.879)
- Công ty CP Ntaco	8.558.000.000	-	8.558.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	459.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.351.807.879</b>	<b>(310.807.879)</b>	<b>8.892.807.879</b>	<b>(310.807.879)</b>
<b>b. Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Ntaco	8.558.000.000	8.558.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.558.000.000</b>	<b>8.558.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4. Nợ xấu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Oceanica Group International	11.645.402.650	-	11.645.402.650	-
- Trần Thị Liên	310.807.879	-	310.807.879	-
	<b>11.956.210.529</b>	<b>-</b>	<b>11.956.210.529</b>	<b>-</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	840.486.091	840.486.091
Số dư cuối năm	840.486.091	840.486.091
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	250.851.269	250.851.269
Khấu hao trong năm	111.048.609	111.048.609
Số dư cuối năm	361.899.878	361.899.878
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	589.634.822	589.634.822
Tại ngày cuối năm	478.586.213	478.586.213



**6. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Ntaco	1.246.270.000	1.246.270.000	1.246.270.000	1.246.270.000
- Các nhà cung cấp khác	22.000.000	22.000.000	37.903.000	37.903.000
<b>Cộng (a)</b>	<b>1.268.270.000</b>	<b>1.268.270.000</b>	<b>1.284.173.000</b>	<b>1.284.173.000</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Ntaco	1.246.270.000	1.246.270.000
<b>Cộng (b)</b>	<b>1.246.270.000</b>	<b>1.246.270.000</b>

**7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	459.000.000	-	-	2.176.023.839
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	44.158.488
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>462.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.220.182.327</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Lô A59/1 Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,  
Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ông Trần Văn Bình (i)	250.000.000	250.000.000	-	-	250.000.000	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>

(i): Vay ông Trần Văn Bình, số tiền vay: 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, Hình thức đảm bảo khoản vay bằng tín chấp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Lãi vay phải trả	122.810.752	62.810.752
- Chi phí dịch vụ phải trả	181.000.000	181.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>303.810.752</u></b>	<b><u>243.810.752</u></b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
- Bảo hiểm xã hội	173.362	173.362
- Bà Nguyễn Thị Tám (i)	1.609.628.000	1.609.628.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.667.714.161</u></b>	<b><u>1.667.714.161</u></b>

(i): Số tiền phải trả ông Nguyễn Văn Ôn và bà Nguyễn Thị Tám liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba - Ông Nguyễn Văn Ôn và bà Nguyễn Thị Tám cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng mượn quyền sử dụng đất số 25/11/HĐ-VSC ngày 29/12/2011.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**11. Vốn chủ sở hữu**

**11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
Số dư đầu năm	80.230.710.000	1.608.854.848	(77.977.687.267)	3.861.877.581
Lãi trong năm	-	-	549.109.682	549.109.682
Số dư cuối năm	80.230.710.000	1.608.854.848	(77.428.577.585)	4.410.987.263
<b>NĂM NAY</b>				
Số dư đầu năm	80.230.710.000	1.608.854.848	(77.428.577.585)	4.410.987.263
Lãi trong năm	-	-	902.382.091	902.382.091
Số dư cuối năm	80.230.710.000	1.608.854.848	(76.526.195.494)	5.313.369.354

**11.2. Cổ phiếu**

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu	4.590.000.000	2.111.730.206
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.590.000.000	2.111.730.206
b. Các khoản giảm trừ	-	-
c. Doanh thu thuần	4.590.000.000	2.111.730.206



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.060.000.000	1.001.818.182
<b>Cộng</b>	<b>3.060.000.000</b>	<b>1.001.818.182</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.000	32.837
<b>Cộng</b>	<b>35.000</b>	<b>32.837</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	60.000.000	65.133.333
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>65.133.333</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	444.000.000	639.000.000
Chi phí khấu hao	111.048.609	111.048.608
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	9.604.300	330.061.038
<b>Cộng</b>	<b>567.652.909</b>	<b>1.083.109.646</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận trước thuế	902.382.091	549.109.682
- Điều chỉnh tăng	111.048.608	111.048.608
+ <i>Chi phí loại trừ khi tính thuế</i>	<i>111.048.608</i>	<i>111.048.608</i>
- Thu nhập chịu thuế trước chuyển lỗ	1.013.430.699	660.158.290
- Chuyển lỗ	(1.013.430.699)	(660.158.290)
- <b>Lợi nhuận tính thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	902.382.091	549.109.682
<i>Các khoản điều chỉnh</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	902.382.091	549.109.682
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	8.023.071	8.023.071
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>112</b>	<b>68</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		53.709.300
Chi phí nhân công	444.000.000	2.611.426.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.048.609	111.048.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài		3.356.860.557
Chi phí khác	12.604.300	853.694.703
<b>Cộng</b>	<b>567.652.909</b>	<b>6.986.739.208</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

*Thông tin về các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Công ty CP Ntaco	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Số dư với các bên liên quan:*

*Số dư với các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tài khoản liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Ntaco	Phải trả người bán ngắn hạn	1.246.270.000	1.246.270.000
	Phải thu ngắn hạn khác	8.558.000.000	8.558.000.000

*Thu nhập của Ban giám đốc và thành viên Hội Đồng Quản Trị*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương của Ban Giám đốc	72.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Đức Huy	72.000.000	144.000.000
Lương của Thành viên Hội Đồng Quản Trị	180.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	180.000.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>252.000.000</b>	<b>264.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**2. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**2.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.015.606.534	1.020.078.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.041.000.000	8.582.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.056.606.534</b>	<b>9.602.078.834</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.935.984.161	2.951.887.161
Chi phí phải trả	303.810.752	243.810.752
Các khoản vay	250.000.000	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.489.794.913</b>	<b>3.445.697.913</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**2.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**2.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**2.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**2.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**2.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.935.984.161	-	2.935.984.161
Chi phí phải trả	303.810.752	-	303.810.752
Các khoản vay	250.000.000	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.489.794.913</b>	<b>-</b>	<b>3.489.794.913</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.951.887.161	-	2.951.887.161
Chi phí phải trả	243.810.752	-	243.810.752
Các khoản vay	250.000.000	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.445.697.913</b>	<b>-</b>	<b>3.445.697.913</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.015.606.534	-	2.015.606.534
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.041.000.000	-	9.041.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.056.606.534</b>	<b>-</b>	<b>11.056.606.534</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.020.078.834	-	1.020.078.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.582.000.000	-	8.582.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.602.078.834</b>	<b>-</b>	<b>9.602.078.834</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cho thuê nhà xưởng. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm được thực hiện tại địa bàn duy nhất là tỉnh An Giang. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**5. Cam kết hoạt động**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2021.

**6. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2021.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Thanh Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng  
Người lập biểu

VIỆT VIỆT NHẬT